



PHÁC THẢO MÔ HÌNH TRƯỜNG PHỔ THÔNG VIỆT NAM SAU 10-15 NĂM TỚI

● PGS.TS. VŨ TRỌNG RÝ

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Trong Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 trình Đại hội Đảng lần thứ XI đã nêu rõ: "Tích cực chuẩn bị để từ sau năm 2015 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) mới". Để xác định định hướng xây dựng chương trình GDPT mới thì trước hết phải xác định rõ định hướng phát triển GDPT và mô hình nhà trường phổ thông trong tương lai. Đây là việc làm không đơn giản, đòi hỏi một sự nghiên cứu nghiêm túc. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi chỉ xin đưa ra một số ý kiến ban đầu về mô hình nhà trường phổ thông tương lai như là một đề xuất kiến nghị để tham khảo.

1. Quan niệm về nhà trường thời kì công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước và hội nhập quốc tế

Khái niệm "nhà trường" là một khái niệm mà nội hàm của nó ngày càng mở rộng. Quan niệm về nhà trường luôn luôn vận động và phát triển theo xu thế phát triển của giáo dục.

Trong lịch sử giáo dục thế giới, từ trước đến nay, đã có các nền giáo dục với tính chất và nội dung giáo dục khác nhau, nên cũng tồn tại các kiểu nhà trường khác nhau theo các quan niệm khác nhau. Căn cứ vào chủ thể tổ chức quản lí nhà trường thì có nhà trường của Nhà nước (công lập), nhà trường của tổ chức xã hội (dân lập) và nhà trường của tư nhân (tư thực), nhưng cùng thực hiện mục tiêu thống nhất của hệ thống giáo dục. Căn cứ vào đặc trưng học vấn cung cấp cho người học thì có các loại trường: phổ thông, chuyên nghiệp, dạy nghề. Căn cứ vào trình độ học vấn thì có các trường tiểu học, THCS, THPT, cao đẳng, đại học. Mục đích (mục tiêu), nhiệm vụ và nội dung hoạt động của nhà trường phụ thuộc trình độ phát triển của xã hội và cấu trúc giai tầng của nó.

Thời đại ngày nay thừa nhận vai trò chủ đạo của giáo dục nhà trường trong việc đào tạo sức

lao động mới cho xã hội. Mục đích của nhà trường là giáo dục công dân, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục phát triển cá nhân. Giáo dục nhà trường đáp ứng yêu cầu tồn tại và phát triển của xã hội. Tuy nhiên, giữa nội dung giáo dục trong nhà trường và thực tiễn khoa học công nghệ bao giờ cũng có "độ trễ". Giảm "độ trễ" này là một tiêu chí đánh giá sự tiến bộ và tính hiện đại của nhà trường trong quá trình phát triển xã hội theo hướng CNH, HĐH đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong nền văn minh tin học, sự phát triển của công nghệ máy tính điện tử và mạng internet trở thành nhân tố ảnh hưởng đáng kể tới nhà trường. Nhờ có máy tính điện tử và mạng internet mà một phần của giáo dục chuyển dịch ra khỏi nhà trường về các gia đình. Với kĩ thuật máy tính kết hợp với mạng internet, người ta có thể tự tiến hành đào tạo lại, làm phong phú thêm vốn kiến thức, kĩ năng của mình để thích ứng với sự biến đổi thường xuyên của công nghệ và việc làm mà không nhất thiết phải đến nhà trường. Sự phát triển của công nghệ máy tính và kĩ thuật viễn thông đang dẫn đến sự toàn cầu hóa giáo dục và do đó nhà trường cũng mang tính toàn cầu. Ngày nay, nhà trường đang dần trở thành hệ mở, không bị khuôn cứng lại trong một không gian, thời gian hay nội dung đào tạo nhất định. Nhà trường là một hệ mở về đối tượng học (đa dạng hoá đầu vào và nội dung đào tạo); mở về mối quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá; mở về phương thức đào tạo, thể hiện tính đa dạng hoá của giáo dục. Do đó, khái niệm nhà trường cũng mở rộng hơn, không chỉ giới hạn trong nhà trường chính quy mà bao hàm tất cả các kiểu nhà trường khác nhau, trong đó nhà trường chính quy được xem là hệ thống đơn vị nòng cốt của hệ thống giáo dục.

Nhà trường của Việt Nam hiện nay phải là nhà trường hiện đại với những đặc trưng nêu ở trên

và mang những đặc thù bản sắc Việt Nam, đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Đó là nhà trường thực hiện giáo dục toàn diện: trí dục, đức dục, thể dục, giáo dục lao động và mĩ dục; thực hiện nguyên lý giáo dục: học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội; tách rời tôn giáo, nội dung giáo dục đảm bảo tính khoa học, đại chúng, dân tộc; thực hiện bình đẳng giáo dục, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tôn giáo, thành phần xã hội; đảm bảo sự dân chủ trong quá trình giáo dục và mọi hoạt động của nhà trường; nhà trường là nơi tuyên truyền, giáo dục sâu rộng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Quan niệm về nhà trường hiện đại là cơ sở để thiết kế mô hình trường phổ thông 10-15 năm tới.

2. Giáo dục vì sự phát triển của mỗi người học và đáp ứng nhu cầu của xã hội là triết lí phát triển nhà trường phổ thông

Giáo dục vì sự phát triển của mỗi người học bắt nguồn từ tư tưởng về con người phát triển toàn diện và hài hoà trong các tác phẩm triết học và giáo dục học ở thời kì Phục Hưng. Các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng đã hết sức chú ý đến lí tưởng con người phát triển toàn diện và hài hoà, coi đây là mục đích giáo dục phải đạt được với mọi người chứ không phải chỉ với một số ít người được chọn lọc. Các nhà triết học Ánh sáng của Pháp ở thế kỉ XVIII không chỉ nêu lên sự phát triển hài hoà nhiều mặt của nhân cách mà còn chỉ ra hoạt động lao động và tiếp xúc với thiên nhiên là những con đường thực hiện phát triển toàn diện con người.

Ở nước ta, tư tưởng phát triển toàn diện con người lần đầu tiên được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra trong thư gửi học sinh (HS) nhân ngày đầu năm học đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Người viết: "Ngày nay, các cháu được cái may mắn hơn cha anh là được hưởng một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục sẽ đào tạo các cháu nên những người công dân có ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các cháu".

Như vậy, giáo dục vì sự phát triển của mỗi người học là một quy luật. Phát triển hoàn toàn

những năng lực sẵn có của mỗi người học là nội dung của chiến lược con người, vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Điều đó xuất phát từ tư tưởng của thời đại về sự phát triển và nhân tố con người trong sự phát triển: Con người là trung tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Phát triển toàn diện con người không thể tách rời hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Mỗi thời kì phát triển của xã hội có những yêu cầu và nội dung cụ thể đối với việc phát triển toàn diện con người. Theo quan điểm của UNESCO, phát triển người là sự gia tăng giá trị cho con người, giá trị tinh thần, giá trị đạo đức giá trị thể chất, vật chất.

Giáo dục đáp ứng nhu cầu xã hội, trước hết và là quan trọng nhất, là đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực. Đất nước ta đang trong thời kì CNH, HĐH. Mục tiêu tổng quát của CNH, HĐH ở Việt Nam là đến năm 2020 cǎn bản biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đòi sống vật chất và văn hoá của nhân dân được nâng cao và hài hoà với sự phát triển kinh tế. Sự nghiệp CNH, HĐH đất nước đòi hỏi phải phát triển nguồn nhân lực, lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Giáo dục vì sự phát triển của mỗi người học và giáo dục đáp ứng nhu cầu xã hội có mối quan hệ mật thiết với nhau: Phát triển được mỗi người học thì sẽ đáp ứng được nhu cầu xã hội; đáp ứng nhu cầu xã hội sẽ tạo điều kiện để phát triển mỗi người học.

Trước đây, trong thiết kế chương trình giáo dục - đào tạo thường chỉ tập trung chú ý đến yêu cầu của xã hội, ít chú ý đến nhu cầu của mỗi cá nhân. Do đó, các yêu cầu đặt ra đối với người học mang nặng tính áp đặt. Người học (HS) được hiểu như là một khái niệm trừu tượng không phải là những cá nhân cụ thể với những đặc điểm tâm sinh lý riêng, nhu cầu, nguyện vọng riêng. Triết lí giáo dục vì sự phát triển của mỗi người học là giáo dục hướng đến từng cá nhân, thừa nhận sự tồn tại của cá nhân. Chiến lược giáo dục đồng loạt sẽ được thay thế bằng chiến lược phân hoá. Triết lí giáo dục này là kim chỉ nam cho việc tổ chức mọi hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông trong tương lai.



3. Nhà trường phải thực hiện sứ mệnh của GDPT trong thời kì mới

Nhà trường phổ thông là tê bào của hệ thống GDPT, do đó nó phải thực hiện sứ mệnh của GDPT. Ngày nay, nhận thức về vai trò, vị trí và sứ mệnh của GDPT đã có sự thay đổi. GDPT là nền tảng của cả hệ thống giáo dục, bởi trên đó người ta xây dựng tiếp các phân hệ khác của hệ thống giáo dục như giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Trong xã hội hiện đại, học tập suốt đời trở thành triết lí sống của mỗi con người, do đó, GDPT không những khởi đầu cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết cho mỗi con người, mà còn hình thành ở họ năng lực để học suốt đời. Sứ mệnh của GDPT là hình thành và phát triển nhân cách HS, chuẩn bị cho nguồn nhân lực có chất lượng, tức là góp phần phát triển vốn người, vốn xã hội, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kì mới, GDPT cần phải đổi mới cơ bản và toàn diện, trước hết là Chương trình giáo dục. Trong Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 trình Đại hội XI của Đảng đã nêu rõ: "Tích cực chuẩn bị để từ sau năm 2015 thực hiện chương trình GDPT mới". Vậy, Chương trình GDPT cần được phát triển theo định hướng nào? Phải xuất phát từ nhận thức mới về vai trò, vị trí và sứ mệnh của GDPT, từ mục tiêu của GDPT và thực trạng bất cập của Chương trình hiện tại. Mục tiêu của GDPT bao gồm mục tiêu hệ thống và mục tiêu nhân cách. Mục tiêu hệ thống là nâng cao dân trí, chuẩn bị nguồn nhân lực, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu. Mục tiêu nhân cách là phát triển hài hòa thể chất và tinh thần ở trẻ em; hình thành ở trẻ em những phẩm chất nhân cách làm người Việt Nam: yêu gia đình, yêu quê hương, đất nước, tự hào về truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trung thực, trách nhiệm, có lối sống lành mạnh; có thói quen rèn luyện thân thể và bảo vệ sức khỏe của bản thân; có kiến thức cơ bản cần thiết cho mỗi con người về tự nhiên, xã hội, tư duy, sử dụng được một ngoại ngữ, có kỹ năng cơ bản sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, năng động, thích ứng, chủ động, sáng tạo, có kỹ năng tự học để học suốt đời. Do đó, phát triển Chương trình GDPT trong thập kỷ tới phải theo hướng hiện đại hóa nội dung, cập nhật thành tựu của khoa học công nghệ trên

thế giới và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam, tăng cường nội dung thiết thực với người học, hình thành các chuẩn mới về kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với yêu cầu học suốt đời, giáo dục vì sự phát triển bền vững và phát huy năng lực cá nhân. Đồng thời với hiện đại hóa nội dung là thay đổi cách dạy, cách học, cách đánh giá. Theo định hướng này, Chương trình GDPT được thiết kế là một chương trình tổng thể toàn cấp, tương thích với 2 giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ sở (GDCS) (cơ bản, bắt buộc) và giai đoạn sau GDCS, chuẩn bị cho HS vào đời, hoặc học lên cao đẳng, đại học. Ở giai đoạn GDCS, HS được tiếp nhận những kiến thức, kỹ năng phổ thông cơ bản cần thiết cho mỗi con người sống trong xã hội hiện đại. Ở giai đoạn sau GDCS, nội dung giáo dục không áp dụng đồng loạt cho mọi HS, có nhiều phương án thực hiện để tạo ra nhiều cơ hội lựa chọn cho HS. Phương pháp dạy học chuyển từ truyền thụ sang dạy cách học, cách chiếm lĩnh tri thức. Kiểm tra, đánh giá chuyển từ tập trung vào ghi nhớ sang đánh giá năng lực.

Sự phát triển chương trình GDPT trong thập kỷ tới đòi hỏi đổi mới cơ bản nhà trường truyền thống hiện nay theo mô hình nhà trường hiện đại.

4. Nhà trường phổ thông phải đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ em lứa tuổi thiếu niên và vị thành niên

GDPT bao gồm trẻ em từ 6 đến 17 tuổi. Ở mỗi lứa tuổi, trẻ em có những đặc điểm tâm - sinh lý riêng. Trong vài thập kỷ lại đây, nhiều công trình nghiên cứu cho thấy có sự gia tốc về phát triển tâm - sinh lý ở trẻ em. Do đó, việc tổ chức giáo dục ở nhà trường phải tính đến quy luật này. Các phẩm chất nhân cách cũng như năng lực trí tuệ, tri thức, kỹ năng định hình thành ở HS phải khác nhau về mức độ, số lượng và tính chất tùy theo lứa tuổi của các em, tức là tùy theo lớp học, cấp học.

Những nghiên cứu gần đây về đặc điểm tâm sinh lý HS cho thấy có hiện tượng gia tốc phát triển về sinh học và tâm lý. HS ngày nay phát triển hơn thế hệ cùng độ tuổi cách đây vài thập kỷ về thể lực (chiều cao, cân nặng), về các chỉ số phát triển trí tuệ (IQ, CQ, EQ), về hứng thú học tập, về kỹ năng thích ứng xã hội. Thể lực của trẻ em Việt Nam trong những năm gần đây đã tăng nhiều so với những năm 90 của thế kỷ trước. Xu



hướng nghề nghiệp cũng là một đặc điểm tâm lí quan trọng ở HS THCS và THPT. Giáo dục xu hướng nghề nghiệp đúng đắn cho HS lứa tuổi thanh thiếu niên sẽ góp phần giải quyết các mâu thuẫn xã hội đang tồn tại. Xu hướng nghề nghiệp của HS phụ thuộc vào công tác giáo dục hướng nghiệp và vào việc giáo dục kĩ thuật tổng hợp ở nhà trường. Để HS có định hướng nghề nghiệp đúng đắn, phù hợp thì công tác hướng nghiệp trong nhà trường phải được triển khai từ sớm, thường xuyên và phải thực chất. Điều đó có nghĩa là việc hướng nghiệp phải dựa trên cơ sở kĩ thuật tổng hợp, dạy nghề kết hợp với dạy kĩ thuật, hướng vào xu thế phát triển kinh tế địa phương; hình thức dạy nghề phải phù hợp với lứa tuổi, giới tính của HS. Kĩ năng thích ứng xã hội cũng là một nét tâm lí cần phát triển ở HS trong điều kiện đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Có 4 nhóm kĩ năng cơ bản thuộc kĩ năng thích ứng xã hội, đó là: nhóm kĩ năng hợp tác; nhóm kĩ năng quyết đoán, tự khẳng định; nhóm kĩ năng đồng cảm; nhóm kĩ năng kiềm chế, tự kiểm soát. Kĩ năng thích ứng xã hội là những mẫu ứng xử tập nhiễm hay học được, được chấp nhận về mặt xã hội, giúp một cá nhân có thể quyết định hành động và ứng xử một cách có hiệu quả với người khác, giúp người đó nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh, tránh được những hậu quả tiêu cực về mặt xã hội. Nghiên cứu của các nhà tâm lí học trên thế giới đã khẳng định rằng, nếu một đứa trẻ không phát triển đầy đủ các kĩ năng xã hội sẽ báo trước rằng đứa trẻ đó sẽ gặp nhiều khó khăn như kém thích nghi học đường, hoặc mắc những chứng rối nhiễu hành vi dẫn đến thất bại học đường.

Kết quả nghiên cứu hiện tượng gia tốc phát triển ở trẻ em và thanh thiếu niên Việt Nam cho phép rút ra kết luận: trẻ em và thanh thiếu niên Việt Nam hiện nay, khi bước vào thế kỷ XXI, phát triển hơn đáng kể so với thế hệ cùng trang lứa cách đây vài chục năm về các mặt sinh lí, tâm lí và xã hội. Do đó, giáo dục và đào tạo, trước hết là GDPT cần phải có sự đổi mới triệt để về nội dung và phương pháp giáo dục tương thích với trình độ phát triển của trẻ em và thúc đẩy sự phát triển. Nhu cầu phát triển tâm sinh lí ở độ tuổi thanh thiếu niên (tuổi HS) đòi hỏi phải chuyển nhà trường phổ thông truyền thống sang nhà trường kiểu mới.

5. Sự phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi phải chuyển trường học truyền thống sang nhà trường kiểu mới

Để không bị tụt hậu xa hơn về kinh tế và đạt được mục tiêu phát triển đất nước: đến năm 2020, về cơ bản nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại thì tốc độ tăng trưởng hàng năm phải đạt từ 7 - 8%. Muốn tăng trưởng với gia tốc lớn thì phải chuyển nền kinh tế phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, nâng cao giá trị, tăng hàm lượng công nghệ và trí tuệ cao.

Yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới đòi hỏi nguồn nhân lực không chỉ đảm bảo về số lượng mà còn phải đảm bảo chất lượng cao. Nguồn nhân lực Việt Nam hiện nay, tuy chiếm tỉ lệ khá cao so với dân số cả nước (62,7% dân số trong độ tuổi lao động), trẻ, khéo tay, nhưng trình độ học vấn còn kém so với các nước trong khu vực. Chất lượng nhân lực còn thấp về kiến thức chuyên môn và kĩ năng nghề nghiệp, thiếu nhiều nhân lực trình độ cao trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề từ sản xuất kinh doanh tới quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp... Cơ cấu nhân lực qua đào tạo chưa hợp lí, nhân lực trong khu vực nông nghiệp còn chiếm tỉ lệ khá lớn cần phải giảm xuống đáng kể trong những năm tới. Chất lượng nguồn nhân lực thực sự có ý nghĩa quy định mức độ tăng trưởng kinh tế và sự thành công của CNH. Chất lượng nguồn nhân lực do chính hệ thống giáo dục - đào tạo và chăm sóc y tế quyết định. Chính vì vậy, sự phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu nhân lực qua đào tạo vừa tạo ra thời cơ lớn, đồng thời đặt ra những thách thức không nhỏ cho giáo dục nước ta. Sự phát triển kinh tế sẽ tạo tiền đề cho đầu tư mạnh hơn để phát triển giáo dục. Các nguồn đầu tư cho giáo dục trở nên đa dạng hơn, không chỉ từ phía ngân sách Nhà nước mà còn có sự đóng góp của các cơ sở kinh tế, của nhân dân. Thách thức lớn đối với giáo dục là áp lực về nhu cầu nhân lực qua đào tạo ngày càng tăng về số lượng và chất lượng để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Để nhanh chóng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giáo dục nước ta, mà nền tảng là GDPT cần phải mau chóng đổi mới có tính cách mạng. Chuyển nhà trường phổ thông truyền thống sang nhà trường kiểu mới là một giải pháp quan trọng góp phần



tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kì hội nhập quốc tế.

6. Phác thảo mô hình trường phổ thông sau 10-15 năm tới

Từ các căn cứ trình bày ở trên, có thể phác thảo mô hình nhà trường phổ thông Việt Nam sau 10-15 năm tới như sau: Nhà trường phổ thông sau 10-15 năm tới là nhà trường mở, gắn kết chặt chẽ với gia đình HS và cộng đồng; thực hiện giáo dục toàn diện và có đủ điều kiện thực hiện hiệu quả giáo dục toàn diện; đảm bảo dân chủ, hợp tác là nguyên tắc chi phối tất cả các hoạt động trong nhà trường. Các thành tố cấu trúc cơ bản của nhà trường như sau :

- **Mục tiêu của nhà trường:** Trên cơ sở mục tiêu của GDPT, nhà trường phải có mục tiêu cụ thể thể hiện rõ triết lí phát triển của nhà trường, có sức hấp dẫn với HS, cha mẹ các em và cộng đồng.

- **Quản lí nhà trường:** Được quyền tự chủ về nhân sự, tài chính và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trên cơ sở đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch với sự giám sát của tập thể GV và cộng đồng. Quản lí tập trung vào quản lí chất lượng. Xây dựng và duy trì văn hóa nhà trường; xây dựng và duy trì quan hệ nhà trường với cộng đồng.

- **Nội dung giáo dục:** Thực hiện giáo dục toàn diện : Đức dục, trí dục, giáo dục thể chất và sức khỏe, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục lao động. Nội dung giáo dục hướng vào việc hình thành và phát triển các năng lực ở HS, được tổ chức thành các môn học (bắt buộc và tự chọn) và các hoạt động giáo dục (coi trọng các hoạt động xã hội và hướng nghiệp).

- **Phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục:** Loại bỏ kiểu dạy học nhồi nhét, áp đặt. Áp dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo ở HS; dạy cách học, cách tự lực chiếm lĩnh tri thức. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học nhằm nâng cao hiệu quả dạy học. Kiểm tra, đánh giá suốt quá trình và hướng vào năng lực HS. Hình thức tổ chức giáo dục đa dạng : cá nhân và hợp tác nhóm; trong lớp, ngoài lớp; trong trường, ngoài nhà trường; chính khóa, ngoại khóa; thực tập, thực hành, tham quan, câu lạc bộ v.v.

- **Thời lượng học tập:** Thời lượng học tập là một yếu tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục. Do đó, thời gian học tập trong nhà trường được kéo dài cả ngày (từ 6 đến 7 tiếng đồng hồ) và phân bổ hợp lý cho các tiết học và các hoạt động giáo dục khác đảm bảo phù hợp đặc điểm tính chất của nội dung môn học, hoạt động giáo dục và đặc điểm nhà trường, địa phương.

- **Đội ngũ giáo viên (GV) và cán bộ quản lí:** Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng: được đào tạo về khoa học quản lí giáo dục; có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, là tấm gương tốt cho GV, là trung tâm đoàn kết của nhà trường; có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá mọi lĩnh vực hoạt động của nhà trường; có năng lực lôi cuốn tập thể GV, các lực lượng ngoài xã hội tham gia vào quá trình giáo dục HS.

Đội ngũ GV đủ số lượng, loại hình GV và nhân viên hỗ trợ. Mỗi GV là một nhà giáo dục, có phẩm chất nhân cách và năng lực nghề nghiệp:

- Có lòng yêu nước và tự hào dân tộc; Thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ công dân; Có lối sống lành mạnh, tác phong văn minh, lịch sự, giản dị. Hết lòng yêu thương HS.

- Có năng lực tìm hiểu HS: có kiến thức về đặc điểm lứa tuổi HS, về phương pháp tìm hiểu HS và có kỹ năng vận dụng những kiến thức đó để hiểu rõ HS.

- Có năng lực tìm hiểu môi trường giáo dục HS: Có kiến thức về môi trường giáo dục; có phương pháp và kỹ năng tìm hiểu môi trường giáo dục.

- Có năng lực dạy học: Nắm vững kiến thức khoa học cơ bản có liên quan đến môn học được phân công dạy, kiến thức nghiệp vụ sư phạm và có các kỹ năng dạy học, biết sử dụng các phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và thông tin trong dạy học, có kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS.

- Có năng lực giáo dục : Có kiến thức về phương pháp giáo dục và các kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, biết phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, giải quyết hợp lý các tình huống sư phạm, biết kiểm tra, đánh giá việc rèn luyện đạo đức của HS.

- Có năng lực giao tiếp: Có kiến thức về giao tiếp, văn hóa giao tiếp; có kỹ năng giao tiếp phù

(Xem tiếp trang 12)